

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG THEO THỎA THUẬN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ HƯỜNG⁽¹⁾

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận từ đó đưa ra một số đề xuất hoàn thiện.

Từ khóa: Chế độ tài sản vợ chồng; chế độ tài sản vợ chồng theo thỏa thuận; Luật Hôn nhân và Gia đình.

Abstract: The article focused on analyzing and assessing the current provisions of Vietnamese law on agreed matrimonial property regime; thence the author made some proposals for improvement of the law.

Keywords: Matrimonial property regime; agreed matrimonial property regime; Law on Marriage and Family.

Ngày nhận bài: 30/12/2019; Ngày sửa bài: 22/01/2020; Ngày duyệt đăng bài: 27/02/2020.

Đặt vấn đề

Kết hôn là sự kiện làm phát sinh một gia đình mà ở đó phản ánh sự chung sống của hai vợ chồng và con cái (nếu có). Như là một tất yếu của cuộc sống chung, vợ và chồng thực hiện những quan hệ về tài sản nhằm đáp ứng những nhu cầu tồn tại và phát triển của gia đình. Đây là những quan hệ xảy ra phổ biến trong xã hội và chịu sự điều chỉnh trực tiếp của pháp luật về hôn nhân và gia đình, trong một quy chế được gọi là “chế độ tài sản của vợ chồng”. Chế độ tài sản theo thỏa thuận là một loại trong chế độ tài sản của vợ chồng, mới được ghi nhận trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận đã đáp ứng kịp thời những mong muốn, nguyện vọng của người dân nói chung (vợ chồng nói riêng) trong đời sống xã hội; bảo đảm

sự ổn định, trật tự trong các giao lưu dân sự giữa các cá nhân với nhau.

1. Khái niệm chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận

Chế độ tài sản theo thỏa thuận không còn là điều mới lạ với nhiều quốc gia trên thế giới, ngược lại, nó đã tồn tại từ rất sớm. Trước đây, người La Mã cổ đại khi kết hôn thường tự lập thỏa thuận trong đó ghi xác định trước quan hệ tài sản giữa họ với nhau trong cuộc sống tương lai, đồng thời cũng nêu rõ những điều kiện thừa kế tài sản khi một bên vợ (chồng) chết⁽²⁾. Chế độ tài sản của vợ

⁽¹⁾ Th.S Viện Nhà nước và Pháp luật;

Email: nguyenthuong1285@gmail.com.

⁽²⁾ Đoàn Thị Ngọc Hải, *Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận trong hệ thống pháp luật của một số quốc gia trên thế giới*: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2438>, truy cập ngày 27/12/2019.

chồng theo thỏa thuận đã từng tồn tại trong lịch sử pháp luật Việt Nam thời cận đại với tên gọi "hợp đồng hôn nhân" hay "khế ước hôn nhân"- hôn khế¹¹. Trong các Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 1959, 1986, 2000 thì thuật ngữ này không còn xuất hiện và phải đến Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã ghi nhận sự trở lại của chế độ tài sản này với một số quy định. Mặc dù, chỉ dừng lại ở một số lượng khiêm tốn, song các nhà làm luật Việt Nam đã bắt đầu quan tâm đến việc áp dụng chế độ tài sản thỏa thuận trong việc giải quyết hậu quả pháp lý của việc chấm dứt quan hệ tài sản của vợ chồng¹².

Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận thực chất là một hợp đồng thỏa thuận trên nguyên tắc tự do, tự nguyện. Nên vợ chồng có thể tự thỏa thuận và thỏa thuận cùng nhau về việc xác lập và thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với tài sản của họ. Thỏa thuận này được thể hiện dưới dạng văn bản: Hôn ước, hợp đồng tiền hôn nhân hay thỏa thuận trước hôn nhân. Hay nói khác đi, chế độ tài sản thỏa thuận (còn gọi là chế độ tài sản ước định), là tập hợp các quy tắc do chính vợ, chồng xây dựng nên một cách hệ thống trên cơ sở sự cho phép của pháp luật để thay thế cho chế độ tài sản luật định nhằm điều chỉnh quan hệ tài sản của vợ chồng. Chế độ tài sản này được quy định như một điểm mới rất tiến bộ trong Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014, tồn tại song song cùng với chế độ tài sản theo luật định (được áp dụng khi vợ chồng không xác lập chế độ tài sản

theo thỏa thuận)¹³. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận gồm một số các nguyên tắc quy định quyền hạn của hai vợ chồng trên các tài sản chung, sự đóng góp tiền bạc của hai vợ chồng trong thời gian hôn nhân, các quyền lợi của người thứ ba giao dịch với họ và những quyền lợi của mỗi người vợ chồng khi hôn thú chấm dứt¹⁴.

2. Quy định của pháp luật hiện hành về chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận

2.1. Văn bản xác lập chế độ tài sản của vợ chồng

Thứ nhất, về hình thức văn bản.

Theo quy định tại Điều 47, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì thỏa thuận xác lập chế độ tài sản vợ chồng phải tuân thủ những điều kiện về mặt hình thức như sau: "Trong trường hợp hai bên kết hôn lựa chọn chế độ tài sản theo thỏa thuận thì thỏa thuận này phải được lập trước khi kết hôn, bằng hình thức văn bản có công chứng hoặc chứng thực. Chế

¹¹ Dân luật (1972). Sài Gòn

¹² Đoàn Thị Phương Diệp, *Áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận trong việc giải quyết việc chấm dứt quan hệ tài sản giữa vợ và chồng*: <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2016/06/27/ap-dung-che-do-ti-san-theo-thoa-thuan-trong-viec-giai-quet-viec-cham-dut-quan-he-ti-san-giua-vo-va-chong/>, truy cập ngày 27/12/2019.

¹³ Nguyễn Ngọc Điện, *Chế độ tài sản theo thỏa thuận trong pháp luật một số nước và đề xuất cho Việt Nam*: <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2017/12/18/che-do-ti-san-theo-thoa-thuan-trong-phap-luat-mot-so-nuoc-v-de-xuat-cho-viet-nam/>, truy cập ngày 25/12/2019.

¹⁴ Nguyễn Mạnh Bách, *Tìm hiểu Luật Dân sự Việt Nam (chế độ hôn nhân, thừa kế)*, NXB Đồng Nai, 1992, tr.9.

độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn". Tuy nhiên, theo yêu cầu của Luật Hộ tịch Việt Nam năm 2014 "Giấy chứng nhận kết hôn phải có các thông tin sau đây: a) Họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú; thông tin về giấy tờ chứng minh nhân thân của hai bên nam, nữ; b) Ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn; c) Chữ ký hoặc điểm chỉ của hai bên nam, nữ và xác nhận của cơ quan đăng ký hộ tịch" (Khoản 2, Điều 18). Nội dung quy định nêu trên và tổng thể các quy định khác của Luật này về thủ tục đăng ký kết hôn không thấy quy định về việc cơ quan đăng ký kết hôn hoặc phải ghi nhận có sự tồn tại của chế độ tài sản thỏa thuận (trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn hoặc trong sổ lưu), hoặc phải kiểm tra về việc có hay không tồn tại chế độ tài sản thỏa thuận. Như vậy, quy định bắt buộc về thời điểm phải xác lập chế độ tài sản thỏa thuận là trước khi kết hôn không có điều kiện để đảm bảo thực hiện trong bối cảnh pháp lý này⁶⁾. Từ bất cập này, theo tác giả thì Pháp luật Việt Nam nên bổ sung thêm vào trong giấy chứng nhận kết hôn các thông tin về "Vợ, chồng kết hôn trên cơ sở chế độ tài sản thỏa thuận" (nếu có). Điều này là thực sự cần thiết ở góc độ quản lý nhà nước cũng như để bảo vệ người thứ ba trong việc tiếp cận thông tin có liên quan đến quan hệ tài sản giữa vợ chồng.

Thứ hai, về nội dung văn bản.

Theo quy định tại Điều 48 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ, chồng gồm

những nội dung cơ bản sau: "*Nội dung cơ bản của thỏa thuận về chế độ tài sản bao gồm: a) Tài sản được xác định là tài sản chung, tài sản riêng của vợ, chồng; b) Quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản chung, tài sản riêng và giao dịch có liên quan; tài sản để bảo đảm nhu cầu thiết yếu của gia đình; c) Điều kiện, thủ tục và nguyên tắc phân chia tài sản khi chấm dứt chế độ tài sản; d) Nội dung khác có liên quan. Khi thực hiện chế độ tài sản theo thỏa thuận mà phát sinh những vấn đề chưa được vợ chồng thỏa thuận hoặc thỏa thuận không rõ ràng thì áp dụng các Điều 29, 30, 31 và 32 của Luật này và quy định tương ứng của chế độ tài sản theo luật định". Theo quy định trên thì những điều kiện về mặt nội dung chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận bao gồm:*

Một là, xác định tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận, những tài sản được xác định là tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng. Trong văn bản thỏa thuận, trước hết vợ chồng cần xác định rõ những tài sản nào là tài sản riêng của mỗi bên và những tài sản nào là tài sản chung của vợ chồng. Vì khi xác định được phạm vi các loại tài sản, quyền sở hữu của mỗi bên thì vợ chồng sẽ thỏa thuận và thống nhất được với nhau các quyền cũng như nghĩa vụ đối với từng loại tài sản đó.

⁶⁾ Nguyễn Ngọc Điện, *Chế độ tài sản theo thỏa thuận trong pháp luật một số nước và đề xuất cho Việt Nam*: <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2017/12/18/che-do-ti-san-theo-thoa-thuan-trong-phap-luat-mot-so-nuoc-v-de-xuat-cho-viet-nam/>, truy cập ngày 25/12/2019.

Hướng dẫn cụ thể hơn về vấn đề xác định tài sản của vợ chồng trong nội dung thỏa thuận. Khoản 1. Điều 15 Nghị định số 126/2014/ND - CP đã quy định như sau: "1. Trường hợp lựa chọn áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận thì vợ chồng có thể thỏa thuận về xác định tài sản theo một trong các nội dung sau đây: a) Tài sản giữa vợ và chồng bao gồm tài sản chung và tài sản riêng của vợ, chồng; b) Giữa vợ và chồng không có tài sản riêng của vợ, chồng mà tất cả tài sản do vợ, chồng có được trước khi kết hôn hoặc trong thời kỳ hôn nhân đều thuộc tài sản chung; c) Giữa vợ và chồng không có tài sản chung mà tất cả tài sản do vợ, chồng có được trước khi kết hôn và trong thời kỳ hôn nhân đều thuộc sở hữu riêng của người có được tài sản đó; d) Xác định theo thỏa thuận khác của vợ chồng".

Hai là, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản chung, tài sản riêng và giao dịch có liên quan: tài sản để bảo đảm nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trên cơ sở xác định nội dung về tài sản trong thỏa thuận trước đó, vợ và chồng thỏa thuận về các quyền của mỗi bên đối với tài sản chung, tài sản riêng, cũng như những nghĩa vụ riêng, nghĩa vụ chung về tài sản.

Ba là, điều kiện, thủ tục và nguyên tắc phân chia tài sản khi chấm dứt chế độ tài sản. Xuất phát từ nhu cầu của mỗi bên, vợ chồng có thể thỏa thuận các điều kiện được đưa ra khi chấm dứt chế độ tài sản theo thỏa thuận và xác định trong những trường hợp nào một bên hoặc cả hai bên vợ chồng có quyền yêu cầu chấm dứt chế

độ tài sản này. Khi chấm dứt chế độ tài sản theo thỏa thuận, tài sản sẽ được chia cho vợ chồng theo thỏa thuận hoặc theo yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Về nguyên tắc, tài sản có thể chia theo cách thức chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân hoặc theo nguyên tắc phân chia khác do hai vợ chồng tự thỏa thuận thống nhất với nhau. Khi có tranh chấp xảy ra, việc giải quyết tranh chấp được ưu tiên áp dụng theo thỏa thuận của vợ chồng.

Bốn là, ngoài những nội dung chủ yếu nêu trên, vợ chồng còn có thể thỏa thuận những nội dung khác (vấn đề cấp dưỡng cho cha, mẹ, con...) liên quan đến chế độ tài sản của vợ chồng phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh của mỗi bên.

Thứ ba, về sửa đổi, bổ sung một phần hoặc toàn bộ nội dung của chế độ tài sản vợ chồng.

Điều 17 Nghị định số 126/2014/ND-CP của Chính phủ Việt Nam quy định: "1) Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận được áp dụng thì trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có quyền thỏa thuận sửa đổi, bổ sung một phần hoặc toàn bộ nội dung của chế độ tài sản đó hoặc áp dụng chế độ tài sản theo luật định. 2) Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung nội dung của chế độ tài sản của vợ chồng phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật". Như vậy, với các quy định này, pháp luật Việt Nam hiện hành không dự kiến bất kỳ cơ chế kiểm soát nào từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc sửa đổi, bổ sung chế độ tài sản theo thỏa thuận giữa

vợ chồng. Điều này cũng dễ hiểu, bởi ngay từ việc xác lập chế độ tài sản thỏa thuận đã không có sự kiểm soát thì việc sửa đổi, bổ sung đương nhiên là không có kiểm soát⁽⁷⁾. Như đã phân tích trên đây, chế độ tài sản thỏa thuận, mặc dù chỉ là thỏa thuận giữa vợ, chồng, nhưng lại tác động rất lớn đến người thứ ba. Do đó, tác giả cho rằng: Cùng với việc xác lập chế độ tài sản thỏa thuận, việc sửa đổi, bổ sung chế độ tài sản này cũng cần có sự kiểm soát từ cơ quan quản lý có thẩm quyền.

2.2. Thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng bị vô hiệu

Khoản 1, Điều 50 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng bị Tòa án tuyên bố vô hiệu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không tuân thủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch được quy định tại Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan; b) Vi phạm một trong các quy định tại các Điều 29, 30, 31 và 32 của Luật này; c) Nội dung của thỏa thuận vi phạm nghiêm trọng quyền được cấp dưỡng, quyền được thừa kế và quyền, lợi ích hợp pháp khác của cha, mẹ, con và thành viên khác của gia đình.

Như vậy, với quy định này có thể thấy có ba lý do để tòa án có thể tuyên bố vô hiệu đối với một thỏa thuận về chế độ tài sản giữa vợ và chồng.

Một là, không tuân thủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch được quy định tại Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan

Theo quy định tại Điều 117, Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: "1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau

đây: a) Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự; b) Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; c) Người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện. 2. Hình thức giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch trong trường hợp pháp luật có quy định".

Áp dụng quy định trên có thể hình dung khả năng một thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng sẽ bị tuyên bố vô hiệu trong các trường hợp⁽⁸⁾:

Thứ nhất, nếu một trong hai bên vợ chồng chưa đủ tuổi kết hôn ở thời điểm xác lập thỏa thuận hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự ở thời điểm thỏa thuận thì thỏa thuận sẽ bị tuyên bố vô hiệu. Trường hợp này được dẫn trên cơ sở có sự kết hợp giữa các quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Hôn nhân và Gia đình về điều kiện kết hôn. Luật Hôn nhân và Gia đình không yêu cầu cụ thể về điều kiện năng lực hành vi của các bên tham gia thỏa thuận về chế độ tài sản, nên tác giả cho rằng, một cách hợp lý, người được xem là đáp ứng yêu cầu về năng lực hành vi để

⁽⁷⁾ Nguyễn Ngọc Diên, *Chế độ tài sản theo thỏa thuận trong pháp luật một số nước và đề xuất cho Việt Nam*, <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2017/12/15/che-do-ti-san-theo-thoa-thuan-trong-php-luat-mot-so-nuoc-v-de-xuat-cho-viet-nam/>, truy cập ngày 25/12/2019.

⁽⁸⁾ Đoàn Thị Phương Diệp, *Áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận trong việc giải quyết việc chấm dứt quan hệ tài sản giữa vợ và chồng*, <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2016/06/27/p-dung-che-do-ti-san-theo-thoa-thuan-trong-viec-giai-quet-viec-cham-dut-quan-he-ti-san-giua-vo-v-chong/>, truy cập ngày 27/12/2019

kết hôn thì có quyền xác lập thỏa thuận về chế độ tài sản. Ma theo các quy định về điều kiện kết hôn tại Khoản 1, Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình thì: "1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây: a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; c) Không bị mất năng lực hành vi dân sự; d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các Điều a, b, c và d Khoản 2, Điều 5 của Luật này".

Thứ hai, cũng theo quy định trên, thỏa thuận về chế độ tài sản giữa vợ chồng sẽ bị tuyên bố vô hiệu nếu tại thời điểm xác lập, một hoặc hai bên ở trong tình trạng không có sự tự nguyện (bị đe dọa, lừa dối, nhầm lẫn). Vấn đề về sự lừa dối, nhầm lẫn hay đe dọa được xác định theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Như vậy, trên cơ sở quy định trên, nếu việc kết hôn bị tuyên bố hủy do vi phạm điều kiện về độ tuổi, hay điều kiện về sự tự nguyện thì thỏa thuận về chế độ tài sản giữa vợ và chồng cũng bị tuyên bố vô hiệu theo.

Thứ ba, về hình thức, theo quy định tại Khoản 2, Điều 117 nêu trên thì khi có vi phạm điều kiện về hình thức, tòa án chỉ tuyên bố vô hiệu giao dịch nếu pháp luật có quy định "hình thức của giao dịch là điều kiện có hiệu lực của giao dịch". Mặc dù, Điều 47 Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định rằng: "Trong trường hợp hai bên kết hôn lựa chọn chế độ tài sản theo thỏa thuận thì thỏa thuận này phải được lập trước khi kết hôn, bằng hình thức văn

bản có công chứng hoặc chứng thực". Tuy nhiên, quy định này không nói rằng việc lập thành văn bản có công chứng, chứng thực là điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận về chế độ tài sản giữa vợ và chồng. Cho nên, áp dụng các quy định hiện hành này, nếu vi phạm quy định về hình thức thì tòa án không thể tuyên bố vô hiệu thỏa thuận về chế độ tài sản giữa vợ và chồng. Theo tác giả, cần quy định rõ ràng các yêu cầu về hình thức đối với chế độ tài sản thỏa thuận (về việc công chứng thỏa thuận, thời điểm xác lập) là một điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận về chế độ tài sản giữa vợ và chồng vì hơn bất kỳ một loại giao dịch dân sự nào, chế độ tài sản thỏa thuận đóng vai trò quan trọng không những đối với các bên vợ, chồng mà còn đối với người thứ ba. Do vậy, các yêu cầu nghiêm ngặt về hình thức là thật sự cần thiết⁶⁹.

Hai là, thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng vi phạm một trong các quy định tại các Điều 29, 30, 31 và 32 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Các quy định tại Điều 29, 30, 31, 32 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tạo thành một chế độ tài sản cơ sở mà dù là chế độ tài sản thỏa thuận hay chế độ tài sản theo luật định cũng phải tuân thủ. Vi phạm một trong các nguyên tắc này thì thỏa thuận về chế độ tài sản sẽ bị tuyên

⁶⁹ Đoàn Thị Phương Diệp, *Áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận trong việc giải quyết việc chấm dứt quan hệ tài sản giữa vợ và chồng* <https://thongtinphapluatdangluoc.vn/2016/06/23/1p-dung-che-do-ti-san-theo-thoa-thuan-tyng-viec-quat-quyet-viec-cham-dut-quan-he-ti-san-giua-vo-va-chong/>, truy cập ngày 27/12/2019.

bổ vô hiệu. Có thể lấy ví dụ nguyên tắc “vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trong trường hợp vợ chồng không có tài sản chung hoặc tài sản chung không đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ, chồng có nghĩa vụ đóng góp tài sản riêng theo khả năng kinh tế của mỗi bên”. Nguyên tắc này rất quan trọng trong việc đảm bảo duy trì các điều kiện hỗ trợ cho sự tồn tại của gia đình. Theo đó, nếu trong thỏa thuận về chế độ tài sản giữa vợ và chồng có quy định cho rằng “trong thời kỳ hôn nhân chỉ có người chồng có nghĩa vụ đóng góp thu nhập duy trì đời sống chung của gia đình” thì thỏa thuận đó sẽ vô hiệu.

Ba là, nội dung của thỏa thuận vi phạm nghiêm trọng quyền được cấp dưỡng, quyền thừa kế và quyền, lợi ích hợp pháp khác của cha, mẹ, con và thành viên khác của gia đình

Lý do này giúp bảo vệ các chủ thể có liên quan khỏi các thỏa thuận giữa vợ và chồng trong trường hợp các thỏa thuận này tác động theo hướng bất lợi đối với họ. Tác giả cho rằng, trên thực tế các thỏa thuận giữa vợ và chồng về chế độ tài sản có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến quyền lợi của các chủ thể có liên quan trong cấp dưỡng hoặc thừa kế, ví dụ, thỏa thuận của vợ chồng rằng “khi một trong hai bên chết thì người còn lại được thừa kế trọn di sản”, thỏa thuận này đã một cách gián tiếp, hạn chế, thậm chí tước đi quyền thừa kế của các thành viên khác trong gia đình của người chết (cụ thể là quyền thừa kế của

những người cùng hàng với vợ, chồng). Như vậy, dù tác động trực tiếp hay gián tiếp, nếu có những thỏa thuận giữa vợ và chồng vi phạm nghiêm trọng quyền được cấp dưỡng hay quyền được thừa kế... của cha, mẹ, con và các thành viên khác của gia đình, thì thỏa thuận đó phải bị vô hiệu.

Với quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 50 nêu trên. Khi xây dựng quy định này, nhà làm luật đã nghĩ đến nguyên tắc bảo vệ người thứ ba, theo nguyên tắc đó, vợ chồng có quyền xây dựng một chế độ thỏa thuận cho riêng họ, nhưng các thỏa thuận này không được ảnh hưởng theo hướng tiêu cực đến quyền lợi của người thứ ba, đặc biệt là quyền thừa kế và cụ thể là quyền thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc. Và mặc dù thỏa thuận của vợ chồng không phải là di chúc nhưng nó cũng đã tác động tiêu cực đến quyền thừa kế của các chủ thể được pháp luật bảo vệ. Do đó, có thể thấy thỏa thuận của vợ chồng trong ví dụ đã đề cập trên là không được chấp nhận nếu thỏa thuận phân chia này làm cho quyền thừa kế của các chủ thể đặc biệt (vợ, chồng, cha, mẹ, con chưa thành niên... của người chết) không được đảm bảo theo quy định của luật dân sự⁽¹⁰⁾. Hơn nữa, quy định này cũng góp phần ngăn chặn những thỏa thuận được vợ chồng xác lập nhằm mục đích không lành mạnh, trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ dân sự làm ảnh hưởng đến

⁽¹⁰⁾ http://www.nclp.org.vn/thuc_hoc_tsoai_phuap_luoc/tp-dung-che-110-tai-san-thua-thuan-trong-giao-quan-va-vec-cham-dut-quan-he-tai-san-giua-vo-va-chong

quyền, lợi ích hợp pháp của người có liên quan: góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng được pháp luật công nhận của cha, mẹ, con và của các thành viên khác trong gia đình⁽¹⁾.

Kết luận

Kết hôn là sự kiện làm phát sinh một gia đình mà ở đó phản ánh sự chung sống của hai vợ chồng và con cái (nếu có). Như là một tất yếu của cuộc sống chung, vợ và chồng thực hiện những quan hệ về tài sản nhằm đáp ứng những nhu cầu tồn tại và phát triển của gia đình. Đây là những quan hệ xảy ra phổ biến trong xã hội và chịu sự điều chỉnh trực tiếp của pháp luật về hôn nhân và gia đình, trong một quy chế được gọi là "Chế độ tài sản của vợ chồng"⁽²⁾. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận không phải là một điều mới lạ đối với xã hội Việt Nam, thậm chí nó đã từng được thực hiện trong một thời gian khá dài (nhất là ở Miền Nam). Thực chất, việc duy trì duy nhất một chế độ tài sản của vợ chồng, cho đến nay, phản ánh sự thắng thế của một quan điểm lập pháp, chứ không phải hoàn toàn xuất phát từ thực tiễn kinh tế - xã hội⁽³⁾. Mặt khác, chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận đã đáp ứng kịp thời những mong muốn, nguyện vọng của người dân nói chung (vợ chồng nói riêng) trong đời sống xã hội; bảo đảm sự ổn định, trật tự trong các giao lưu dân sự giữa các cá nhân với nhau. Tuy nhiên, những quy định về chế độ tài sản của vợ chồng được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành vẫn còn chung chung, chưa

cụ thể, chưa đi sát vào thực tiễn cuộc sống, vẫn còn có những hạn chế bất cập cần phải được nghiên cứu sửa đổi trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Dân luật* (1972). Sài Gòn.
2. Nguyễn Mạnh Bách (1992). *Tìm hiểu Luật Dân sự Việt Nam (chế độ hôn nhân, thừa kế)*. Nxb. Đồng Nai.
3. Nguyễn Văn Cừ (2008). *Chế độ tài sản của vợ chồng theo pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam*. Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
4. <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2016/06/27/p-dung-che-do-ti-san-theo-thoa-thuan-trong-viec-giai-quyet-viec-cham-dut-quan-he-ti-san-giua-vo-v-chong/>.
5. <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2438>
6. <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2017/12/18/che-do-ti-san-theo-thoa-thuan-trong-phap-luat-mot-so-nuoc-v-de-xuat-cho-viet-nam/>
7. <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2010/01/05/4322-2/>

⁽¹⁾ Đoàn Thị Ngọc Hải. *Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận trong hệ thống pháp luật của một số quốc gia trên thế giới*: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2438>, truy cập ngày 27/12/2019.

⁽²⁾ Xem thêm: Nguyễn Văn Cừ (2008). *Chế độ tài sản của vợ chồng theo pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam*. Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

⁽³⁾ Bùi Minh Hồng. *Chế độ tài sản theo thỏa thuận của vợ chồng liên hệ từ pháp luật nước ngoài đến pháp luật Việt Nam*: <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2010/01/05/4322-2-2/>, truy cập ngày 26/12/2019